TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số128/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **N V V**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn TS, xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn**: Chị **P T H**, sinh năm 1981. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn TS, xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người liên quan: Bà P T L - sinh năm 1955 (mẹ đẻ chị H). Địa chỉ: Thôn TS, xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Anh V, chị H, bà L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh V trình bày*:** Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/1999 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn chị H về gia đình anh V sinh sống và tổ chức cuộc chung vui vẻ, hạnh phúc cùng bảo ban nhau làm đảm bảo cuộc sống gia đình. Đến năm 2010được sự đồng ý và giúp đỡ của hai bên gia đình, vợ chồng đã xây một ngôi nhà nhỏ trên đất của bố mẹ chị và về đây sinh sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Năm 2013, anh chị muốn phát triển kinh tế gia đình nên chị H đi lao động tại Đài Loan, anh V có công việc ổn định tại công ty nên ở nhà vừa đi làm vừa chăm sóc các con. Thời gian đầu anh chị thường xuyên giữ liên lạc, sau đó vì phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ tình cảm, lòng chung thủy nên anh chị đã cắt đứt liên lạc với nhau. Anh V

đã dọn ra ngoài sinh sống, không còn ở nhà xây trên đất của bố mẹ chị H nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, không muốn quay về chung sống với chị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H để cả hai cùng ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là N T H T, sinh ngày 14/7/2000 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết và N D A, sinh ngày 30/10/2007, hiện đang ở cùng gia đình chị H do bà P T L (mẹ đẻ chị H) trực tiếp chăm sóc. Sau khi ly hôn anhđồng ý giao chị H là người nuôi dưỡng con chung N D A, chị H tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anhkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H tại Đài Loan. Anh đề nghị Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án xác minh qua mẹ đẻ chị H là bà Phạm Thị Lập, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn TS, xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

***- Bà P T L (là mẹ để chị H) trình bày*:** Chị H và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ở xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào năm 1999. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình anh V sinh sống và tổ chức cuộc sống hòa thuận, đã có 02 con chung. Năm 2010, gia đình bà đồng ý cho anh V chị H xây dựng một căn nhà nhỏ trên mảnh đất của vợ chồng bà để anh chị và 02 con sinh về sinh sống cho thuận lợi. Đến năm 2013 chị H đi lao động tại Đài Loan, còn anh V ở nhà chăm sóc các con và đi làm công nhân tại thành phố Hải Dương. Thời gian đầu chị H thường xuyên liên lạc với anh V và gia đình, sau đó anh chị ấy không còn liên lạc với nhau nữa do phát sinh mâu thuẫn, anh V đã thuê nhà ra chỗ khác sinh sống nhưng 02 con của anh V chị H vẫn sống chung với gia đình bà. Sau khi hết hợp đồng chị H về Việt Nam vài ngày thì lại ký hợp đồng mới và đi từ đó đến nay chưa về lần nào nữa, tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại cho gia đình bà. Nay anh V làm đơn ly hôn chị H là quyết định của anh chị ấy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho chị H biết về việc anh V làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi chị H không cho bà biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của chị H cho Tòa án được, chị H cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm không còn, không muốn quay về chung sống với anh V nữa nên hoàn toàn nhất trí ly hôn; Về con chung: chị H xác định có 02 con chung là N T H T, sinh ngày 14/7/2010 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; đối với con chung N D A, sinh ngày 30/10/2007 hiện đang do bà trực tiếp chăm sóc, chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung và nhờ bà chăm sóc cho đến khi chị H về nước, bà hoàn toàn nhất trí thay mặt chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh; Về tài sản chung: chị H vợ chồng không có tài sản gì chung, kinh tế riêng rẽ từ lâu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 16307/QLXNC-P5 ngày 19/7/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị P T H, sinh ngày 10/11/1981, tại Hải Dương, CMNDsố 141870334, khai địa chỉ tại xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 09/06/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B7200537, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh N V V được ly hôn chị P T H; Về con chung: Xử giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung N D A, sinh ngày 30/10/2007 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Anh cho bà P T L trông nom, chăm sóc cho đến khi chị H về nước trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn làanh N V V, người liên quan là bà P T L đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V, bà Lập.

Chị P T H là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu anh V cũng như bà L (là mẹ đẻ chị H) cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/1999. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận và có 02 con chung với nhau. Năm 2010, bố mẹ đẻ chị H thống nhất để anh chị V H xây dựng một ngôi nhà nhỏ và sinh sống ở đó trên đất của gia đình. Đến năm 2013, do điều kiện kinh tế gia đình chị H đi lao động tại Đài Loan, còn anh V ở nhà làm chăm sóc các con và đi làm công nhân tại thành phố Hải Dương, thời gian đầu anh chị thường xuyên giữ liên lạc, gọi điện động viên nhau, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ tình cảm, lòng chung thủy nên không còn

liên lạc, quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh V đã thuê nhà ra ngoài sinh sống, không còn ở nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ chị H nữa. Nay xác định vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với H nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Thông qua gia đình, chị H cũng có quan điểm xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn,cuộc sống chung không có hạnh phúc nên hoàn toàn nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh V được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chịcó 02 con chung là N T H T, sinh ngày 14/7/2000, đã trưởng thành và có gia đình riêng và N D A, sinh ngày 30/10/2007 (hiện đang ở với gia đình bà L). Chị H hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng cháu ăn học nên chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con. Do chị chưa về Việt Nam nên chị nhờ mẹ đẻ là bà P T L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị về trực tiếp nuôi con; bà L nhất trí chăm sóc cháu A cho đến khi chị H về nước trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H thanh toán phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Quan điểm của anh Vcũng nhất trí để chị H được nuôi con chung và cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hai bên thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con, cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung N D A cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, tạm giao cháu A cho bà P T L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh V, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh N V V được ly hôn chị P T H.

2. Về con chung: Đối với con chung là N T H T, sinh ngày 14/7/2000, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao chị H trực tiếptrông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung N D A, sinh ngày 30/10/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con

chung. Tạm giao cháu A cho bà P T L (mẻ đẻ chị H) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh N V V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0006385 ngày 01/7/2021. Anh V đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TS, huyện TK, Hải Dương (*để nghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang